

LUẬN THẬP TRỤ TỶ BÀ SA
QUYỂN 11

Phẩm 22: HỎI VẤN VỀ NGƯỜI NHẤT THIẾT TRÍ TRONG BỐN MƯỜI PHÁP BẤT CỘNG, Phần 2

Ông nói tuổi già-dòng dõi quý tộc... xuất gia thì phải làm Thượng tọa, nay tôi sẽ trả lời. Trong đạo pháp thì tuổi già hay dòng dõi quý tộc... xuất gia thì đối với đạo không ích lợi gì. Tại vì sao? Bởi vì sinh trong Phật pháp mới gọi là sinh trong gia đình tốt đẹp dòng dõi cao quý. Từ khi thọ Đại giới tính theo số năm ấy mới gọi là lớn tuổi. Ông nói người lớn tuổi phải được cúng dường, thì xuất gia thọ giới trước không phải là lớn hay sao? Vả lại, từ khi thọ giới trở về sau không còn có những dòng họ nào sai biệt; các Tỳ-kheo thọ Đại giới, gọi là sinh ở trong nhà Phật, vậy thì mất đi tên gọi-dòng họ lớn nhỏ trước đây, đều là người một nhà.

Ông nói về trì giới, xuất gia trì giới trước trải qua ngày tháng lâu dài hộ trì, nhiều năm tháng cho nên làm hàng thượng tọa, như trong kiết giới đã nói. Ông nói người trì giới không nên lễ lạy người phá giới, nay tôi sẽ trả lời. Người phá giới hãy còn không cho phép ở chung hướng là lễ lạy cúng dường ư? Bởi vì họ tự nói mình là Tỳ-kheo, tùy theo lớn nhỏ để mà làm lễ với nhau, giống như lễ lạy cảnh tượng trời đất-gỗ đá, vốn nghĩ là Thiên chân mà thôi. Phật dạy người tuổi nhỏ nên lễ lạy hàng Thượng tọa, thuận theo lời Phật dạy mà thực hành thì cảm được phước.

Ông nói bởi vì hành hạnh đầu đà cho nên phải lễ lạy cung kính, nay sẽ trả lời. Nếu người hành hạnh đầu đà thì có năm loại vốn khó mà phân biệt được:

1. Ngu si không biết gì mà tham lam thọ pháp khó thực hành.
2. Căn tánh chậm chạp mà hy vọng được lợi ích.

3. Ý niệm xấu xa lừa dối mọi người.
4. Cuồng loạn.
5. Phát khởi ý niệm.

Pháp hành đầu đà được Chư Phật-Hiền Thánh cùng khen ngợi, bởi vì pháp đầu đà tùy thuận với đạo Niết bàn. Năm loại người này thực hành theo pháp đầu đà, khó có thể phân biệt được. Tại vì sao? Bởi vì có người thích đạo cho nên nghe nhiều có người vì lợi dưỡng cho nên nghe nhiều. Nhiều loại như vậy cũng khó mà phân biệt được. Vả lại, Phật pháp quý trọng thực hành đúng như giáo pháp, chứ không coi trọng đọc nhiều-học nhiều. Lại như Phật dạy thực hành đúng một câu pháp có thể tự lợi ích cho mình mới gọi là nghe nhiều. Trí tuệ cũng như vậy, nếu không có thể thực hành như pháp đã nói thì đâu cần đến trí tuệ làm gì? Vì vậy không lấy trí tuệ mà nói là hàng Thượng tọa. Ví như quan hệ hiện tại giữa thế gian, người em tuy nghe nhiều-trí nhiều mà người anh không lễ lạy người em. Vì vậy không lấy trí tuệ làm đầu tiên để thọ nhận sự cúng dường lễ lạy. Như vậy tuy đa văn trí tuệ nhưng phải lễ lạy người thọ giới trước. Nếu cúng dường người đa văn trí tuệ trước thì làm cho tranh chấp rối loạn. Ngoài ra, người đắc quả Sa-môn, đoạn trừ kiết sử, đạt được thần thông, thật là khó biết người này đắc quả hay là không đắc quả, người này đoạn nhiều kiết sử hay là đoạn ít kiết sử, người này đạt được thần thông hay là không đạt được thần thông? Không thể nào dựa theo điều này mà làm Thượng tọa được. Nếu cùng đạt được đạo quả-đoạn trừ kiết sử-có được thần thông thì ai là Thượng tọa? Vì vậy thuận theo lời Phật dạy mà thực hành là cách tốt nhất.

Ông nói Phật sinh tâm nghi ngờ đối với pháp thuyết ra, nay sẽ trả lời. Phật đối với pháp sâu xa còn không có gì nghi ngờ, huống là trong pháp nên nói hay không nên nói mà có nghi ngờ hay sao? Phật không nói là Ta hoàn toàn không thuyết pháp, chỉ nói là tâm vui với sự vắng lặng không ham theo nhiều việc, sau đó ở trong pháp thuyết giảng không có gì sai lầm. Lại nữa, các ngoại đạo nói: Phật là bậc Đại Thánh vắng lặng, hoàn toàn không hý luận, đâu cần phải nuôi chúng mà giáo hóa làm gì? Giả sử có giáo hóa thì cũng không hết được, tựa như phân biệt đâu cần phải thuyết pháp, nuôi dưỡng đệ tử là tướng tham đắm vướng mắc. Vì vậy Phật sự tư duy: Pháp của Ta rất sâu xa, vô lượng vô biên phương tiện-trí tuệ, mà người đáng độ thì rất ít. Vì vậy tự nói rằng không bằng im lặng. Vả lại, phòng ngừa sự gièm pha bài báng của ngoại đạo, cho nên khiến Phạm thiên vương thỉnh cầu thuyết pháp. Ngay lúc ấy Phạm Thiên Vương cùng chư Thiên thưa với Phật rằng:

Chúng sinh đáng thương, trong đó có người căn tánh nhanh nhạy-kiết sử giảm nhiều dễ dàng hóa độ được. Vì vậy nhận lời thỉnh cầu của các Phạm Thiên vương, như người có được kho báu to lớn cần phải chỉ cho người khác biết. Như vậy các bậc Thánh tự có được lợi ích cũng cần phải làm lợi ích cho người.

Như ông đã nói Phật không biết A-la-ca-lan... đã mạng chung trước đó mà muốn thuyết pháp cho họ, nay sẽ trả lời. Phật không nghĩ rằng họ chết hay không chết, mà chỉ nghĩ đến những người này kiết sử giảm đi rất nhiều có thể tiếp nhận sự hóa độ nhanh chóng, thuận theo những niệm thì có trí phát sinh. Vì vậy trước tiên Phật tự nói với mình, sau đó Thiên thần thưa rõ lý lẽ, cho nên hoàn toàn thích hợp. Vả lại, trước đây Phật xuất gia, đến chỗ hai người này và đã dừng lại qua đêm, như Thiên và dân chúng có thể nghi ngờ là Phật tiếp nhận diệu pháp của họ đến nơi khác mà đắc đạo. Phật muốn đoạn hết sự nghi ngờ ấy, lập tức nói rõ ràng là người ấy già yếu như vậy, diệu pháp như thế nào thì họ chưa nghe thấy. Suy ra từ nghĩa lý như vậy, sự việc năm Tỳ-kheo lại cũng có thể biết được. Phật chỉ nghĩ đến nhân duyên đáng độ của họ, chứ không nghĩ đến họ cư trú nơi nào. Sau đó nghĩ đến trú xứ thì biết được rõ ràng. Vì vậy không cần phải phá bỏ về người Nhất thiết trí.

Ông nói là nghi ngờ về sự việc sụp đổ của thành Ba-liên-phất, nay sẽ trả lời. Nhân duyên sụp đổ của thành này không rõ ràng, nhân duyên không rõ ràng mà nói cả quyết, thì đó chính là sai lầm. Vả lại, trước đây tôi nói trong bốn mươi pháp Bất cộng, Chư Phật khéo biết rõ về Bất định, trả lời thì không thích hợp với câu hỏi vặn này.

Ông nói Phật hỏi, các Tỳ-kheo: Các ông tập trung lại để nói về điều gì? Nay sẽ trả lời. Phật sắp muốn thuyết giảng về pháp môn tu tập, cho nên hỏi như vậy: Hoặc là muốn kiết giới, cho nên hỏi để họ tự trình bày. Đủ cách thuyết pháp như vậy, cho nên hỏi mà không sai lầm gì. Thế gian cũng có lúc biết mà vẫn hỏi, như thế người ta đang ăn mà hỏi rằng: Ăn cơm ư? Như lúc trời lạnh mà hỏi rằng: Lạnh lẽo chăng? Phật cũng như vậy, biết mà vẫn hỏi thuận theo bình thường chứ không sai lầm gì.

Ông nói khen mình chê người không phải là người Nhất thiết trí, nay sẽ trả lời. Phật không tham bản thân, không tham cúng dường, không giận người khác, không tăng thượng mạn. Vì lẽ đó tự nói Ta là người bậc nhất ở thế gian. Có chúng sinh tin tưởng, các căn nhanh nhạy mạnh mẽ rời bỏ ác tri thức, lấy Ta làm thầy, thì người này luôn luôn sẽ được yên ổn. Vì vậy Phật tự khen ngợi chính mình. Lại nữa, có người

cầu đạo an vui bậc nhất, mà có tâm lý lừa nhác không thể nào tinh tiến, cho nên Phật nói có được lợi ích vô thượng thì không nên lừa nhác, Ta là người dẫn đường bậc nhất cho thế gian khéo nói rõ chánh pháp, nên chịu khó tinh tiến thì có thể chứng được đạo quả. Những nhân duyên tự khen ngợi bản thân như vậy, không phải là tự coi trọng mình mà khinh rẻ người khác. Trách mắng người ác là muốn làm cho họ trừ diệt những pháp ác, chứ không phải là giận ghét gì chúng sinh. Có người mong cầu lợi ích đúng như pháp, tâm họ chất trực thanh tịnh, mà hòa hợp với ác tri thức, vì muốn làm cho họ xa rời điều này, do đó phải trách mắng thức tỉnh họ. Lúc chưa thành tựu quả vị Phật, hãy còn dùng tủy não Bồ thí cho người, huống gì thành Phật mà lại trách mắng sao đành?

Ông nói Phật pháp trước-sau trái ngược nhau, nay sẽ trả lời. Trong Phật pháp không có điều gì trước-sau trái ngược nhau, các ông không biết nghĩa lý của Phật pháp mà vội cho là trái ngược nhau. Đạo lý Niết bàn này, từ thời Phật Ca diếp độ đến nay, không còn người nào nói, cũng không có người đạt được. Vì vậy Phật nói Ta mới đắc đạo. Nơi khác Phật lại nói Ta đắc đạo vốn có. Đạo này là do Chư Phật quá khứ như Phật Định Quang đã chứng được, đó gọi là tám Thánh đạo có năng lực đưa đến Niết bàn. Vốn có một đạo-một nhân duyên cho nên gọi là đạo vốn có. Vì vậy cho nên biết rằng Phật thành tựu Nhất thiết trí.

Hỏi: Đã nói về người Nhất thiết trí, thế nào gọi là Nhất thiết trí? Vì biết tất cả cho nên gọi là Nhất thiết trí chăng?

Đáp: Nhất thiết trí là biết cái đáng biết, cái đáng biết là năm tạng pháp, được sử dụng Quá khứ-vị lai-hiện tại ra khỏi ba đời và không thể diễn tả biết năm tạng pháp này thì gọi là biết. Vì vậy biết và cái biết được gọi là tất cả (Nhất thiết).

Hỏi: Biết cái đáng biết thì gọi là tất cả, điều này không đúng. Tại vì sao? Bởi vì pháp này chỉ là một, cái đáng biết và biết cũng là cái đáng biết, như thế gian nói người này biết sắc sảo, người này biết vụng về.

Đáp: Nếu tất cả là một thì nóng lạnh trái ngược nhau đều phải là một, các sự việc trái ngược nhau như sáng-tối, khổ-vui cũng phải là một, nhưng điều này không phải như vậy, do đó không có thể nói rằng tất cả đều là một.

Hỏi: Cái chấp của ông cũng giống như lỗi này, nếu cái có thể biết là một, thì khổ vui... cũng phải là một, nhưng thật ra thì không phải là một.

Đáp: Tôi không nói tất cả những cái có thể biết là một, ông đã

chấp tất cả đều là một, vì vậy không giống với lỗi của ông. Lại nữa, ông nói cùng có lỗi như nhau, tự ông có lỗi trong cái chấp của mình; nếu người tự nhận lỗi trong cái chấp của mình thì rơi vào phần thua, ông biết cái chấp của mình có lỗi, thì không nên nói thêm về lỗi của người khác. Vì vậy ông nói cùng có sai lầm, thì điều này không đúng. Vả lại, nếu cho rằng hai pháp là biết và đáng biết chỉ là một, thì nên dùng pháp đáng biết để biết các vật như cái bình-chiếc áo..., mà thật ra thì dùng cái biết để nhận biết tất cả mọi vật. Nếu cho rằng cái bình-chiếc áo... đối với cái biết không có gì khác nhau, thì cái bình-chiếc áo... không có thể nhận biết được vật khác, tức là phải có khác nhau mà thật sự là dùng cái biết để biết tất cả mọi vật. Như vậy khắp nơi đều có lợi cho nên không có thể nói tất cả đều là một. Lại nữa, biết và cái biết là hai tên gọi cho tất cả cái biết, vốn là tất cả các pháp. Gọi danh xưng của Như Lai là Nhất thiết trí, là người Nhất thiết trí nhờ Kim cang Tam muội, cho nên Kim cang Tam muội thành tựu. Trước đây ông nói Kim cang Tam muội không thành tựu thì Nhất thiết trí không thành tựu, điều này không đúng.

*Phẩm 23: KHÉO BIẾT BẤT ĐỊNH
TRONG BỐN MƯỜI PHÁP BẤT
CỘNG*

Khéo biết về pháp bất định, là các pháp chưa phát sinh, chưa xuất hiện, chưa thành tựu, chưa xác định, chưa phân biệt. Trong các pháp này trí tuệ của Như Lai có năng lực biết được. Như trong kinh Phật Phân Biệt Nghiệp nói: “Đức Phật bảo với A-nan: Có người thân thực hành thiện nghiệp, miệng thực hành thiện nghiệp, ý thực hành thiện nghiệp, người này mạng chung lại rơi vào địa ngục. Có người thân làm ác nghiệp, miệng làm ác nghiệp, ý làm ác nghiệp người này mạng chung lại sinh lên cõi trời. A-nan thưa với Đức Phật: Tại sao như vậy? Đức Phật nói: Người này hoặc là nhân duyên tội phước của đời trước đã thành thực, mà nhân duyên tội phước của đời này chưa thành thực, hoặc là lúc sắp mạng chung sinh tâm chánh kiến-tà kiến hay thiện ác, tâm lúc sắp mạng chung có sức mạnh to lớn”.

Còn trong kinh Thủ Ca nói: “Con của Bà-la-môn Thúc Ca thưa với Đức Phật: Thưa Đức Cù-đàm! Các Bà-la-môn bạch y tại gia, có năng lực phước đức thiện căn hơn hẳn người xuất gia, việc này thế nào? Đức Phật nói: Ta đối với điều này thì trả lời bất định, xuất gia nếu có người không tu thiện thì không bằng tại gia, tại gia có năng lực tu thiện thì hơn

hẩn xuất gia.”

Còn trong kinh Đại Niết bàn nói: “Thành trì Ba-liên-phất sẽ sụp đổ vì ba sự cố, hoặc lửa cháy-hoặc nước tràn, hoặc người trong âm mưu với người ngoài.”

Còn vì phạm chí ba-lê-mạt, Đức Phật nói rằng: “Phạm chí Ba-lê-mạt lỗi hình này, nếu không từ bỏ lời nói này, hoặc tâm này, hoặc tà kiến này mà đến trước mặt Ta thì điều ấy không hề có. Nếu cắt đứt dây da, hoặc đoạn thân mạng, thì cuối cùng không đến được trước mặt Phật.”

Còn trong kinh Phiệt Dụ nói: “Pháp rất sâu xa này của Ta, dùng phương tiện giảng giải làm cho đơn giản dễ hiểu, nếu người có tâm chất trực đúng như giáo hóa mà thực hành thì có được hai lợi ích, hoặc đời này không còn phiền não, hoặc phiền não không thể hết sạch nhưng sẽ đạt được đạo quả Bất hoàn”.

Còn trong kinh Xá Ca Lê Tăng Nhất A-hàm nói: “Đức Phật bảo với A-nan: Nếu người cố ý khởi nghiệp, thì không có ai không nhận chịu quả báo mà đắc đạo, quả báo hoặc là hiện tại nhận chịu hoặc đời sau nhận chịu, hoặc đời sau nữa sẽ nhận chịu.”

Còn trong Kim Phù La-Tăng Nhất A Hàm nói: “Đức Phật bảo với các Tỳ-kheo: Những người ác chết đi hoặc làm súc sinh, hoặc đọa địa ngục, người thiện sinh ra ở cõi trời hoặc là cõi người.”

Còn trong kinh Vô Úy Vương Tử nói: “Vô Úy thưa với Đức Phật: Đức Phật có nói điều gì có thể làm cho người khác tức giận hay không? Đức Phật nói: Nay vương tử! Điều này là bất định, Phật hoặc vì tâm thương xót, mà làm cho người khác tức giận để có thể gieo nhân duyên tốt lành, như mẹ vú dùng ngón tay móc lấy vật xấu ác trong miệng đứa bé ra, tuy làm xây xát mà không có tai họa gì.”

Còn trong A Tỳ Đàm nói: “Chúng sinh có ba loại, từ chủng loại Bất định có lúc rơi vào chủng loại Tà định, có lúc rơi vào chủng loại Chánh định. Sự việc không nhất định trong bốn tạng pháp đều như vậy, kể ra ngàn vạn loại.”

Hỏi: Nếu người trí tuệ bất định mà không có tâm quyết định, đối với sự việc hoặc là như vậy-hoặc không như vậy, thì không gọi là người Nhất thiết trí. Người Nhất thiết trí là người nói lời không khác nhau, nói lời quyết định, nói lời rõ ràng. Vì vậy khéo bất định, không có thể gọi là pháp Bất cộng của Phật.

Đáp: Sự việc bất định, hoặc như vậy-hoặc không như vậy, vốn là tùy thuộc vào nhiều nhân duyên, trong sự việc này không nên nói

chắc chắn. Vả lại, nếu sự việc bất định mà trả lời một cách chắc chắn thì không gọi là người Nhất thiết trí. Vì vậy ở trong sự việc bất định thì chắc chắn phải dùng trí bất định, cho nên có pháp Bất cộng là trí Bất định. Lại nữa, nếu người đối với tất cả các pháp mà cho rằng quyết định biết hết, thì người này chắc chắn rơi vào trong tà luận. nếu tất cả các pháp là chắc chắn, thì tất cả mọi việc làm sẽ không cần đến công sức con người và phương tiện mà vẫn có được. Như nói:

*Nếu như tốt-xấu đã quyết định,
Thì công người cần phải quyết định,
Không cần sử dụng những nhân duyên,
Mà tu tập không cần phương tiện.*

Lại nữa, hiện tại thấy người không tự giữ gìn thân mình thì gặp nhiều đau khổ, nếu tự phòng hộ thân mình thì được an ổn lợi ích. Lại như trong các loại việc làm, phải chịu những nỗi vất vả mệt nhọc, sau mới có được các loại quả báo giàu có vui sướng. Hoặc lại có người trong đời này lạng lẽ cũng không làm điều gì, mà lại có được quả báo. Vì vậy có sự việc bất định này, bởi vì biết sự việc bất định này, cho nên biết là có trí bất định.

Hỏi: Ông giữ gìn hay không giữ gìn, thực hiện công việc hay không thực hiện công việc, mà cũng có sự việc bất định thành tựu, có người có thể tự phòng hộ mình mà gặp phải chịu khổ não, có người không thể tự phòng hộ mình nhưng không gặp điều gì khổ não; lại có người chịu khó tự mình vất vả cực khổ mà không được kết quả bù công sức, có người không chịu khó thực hiện công việc nhưng lại có được kết quả công lao, điều này bất định hay sao?

Đáp: Ông đã nói thì trở thành nghĩa bất định của tôi, nếu có sự việc bất định thì phải có trí bất định, tôi không nói là nếu người không tự phòng hộ mình thì đều nhận chịu khổ não, cũng không nói lìa xa công việc mà có quả báo. Có người tuy làm công việc nhưng vì tội chướng của đời trước cho nên không được nhận quả vui sướng, chứ không nói tất cả đều như vậy. Vì thế ông vặn hỏi không đúng. Đây gọi là Chư Phật ở trong sự việc bất định thì tự nhiên có đầy đủ trí bất định. Biết về cõi vô sắc, thì hàng Thanh văn và Bích-chi-Phật, biết phần ít về pháp và chúng sinh vào cõi Vô sắc, Chư Phật Thế tôn đối với pháp và chúng sinh cõi Vô sắc thì đều biết đầy đủ.

Cõi Vô sắc này có bao nhiêu chúng sinh, sinh đến nơi này? Bao nhiêu chúng sinh, sinh đến nơi kia? Bao nhiêu chúng sinh, sinh đến xứ vô sắc định thứ nhất? Bao nhiêu chúng sinh, sinh đến xứ thứ hai? Bao

nhiều chúng sinh, sinh đến xứ thứ ha? Bao nhiêu chúng sinh, sinh đến xứ thứ tư? Bao nhiêu chúng sinh, sinh đến đây với thời gian như vậy? Bao nhiêu chúng sinh trải qua với thời gian như vậy rồi sẽ lui sụt? Bao nhiêu chúng sinh sống đến cuối cùng với thời gian như vậy? Bao nhiêu chúng sinh có thọ mạng chắc chắn đến cùng? Bao nhiêu chúng sinh có thọ mạng không chắc chắn đến cùng? Bao nhiêu chúng sinh từ cõi Dục mạng chúng sinh đến trong cõi này? Bao nhiêu chúng sinh từ cõi Sắc mạng chúng sinh đến trong cõi này? Bao nhiêu chúng sinh từ cõi Vô sắc mạng chúng trở lại sinh trong cõi này? Bao nhiêu chúng sinh trong cõi người mạng chúng liền sinh đến cõi này? Bao nhiêu chúng sinh trong cõi trời mạng chúng liền sinh đến cõi này?

Những chúng sinh này mạng chung ở nơi này, hoặc sinh vào cõi Dục, hoặc sinh vào cõi Sắc, hoặc sinh vào cõi Vô sắc. Những chúng sinh này mạng chung trong cõi này, hoặc sinh vào loài trời, hoặc sinh vào loài người, hoặc sinh vào loài A-tu-la, hoặc sinh vào trong loài địa ngục-ngạ quỷ-súc sinh. Những chúng sinh này ở nơi ấy nhập Niết bàn. Bao nhiêu chúng sinh đều là phàm phu? Bao nhiêu chúng sinh là đệ tử Hiền Thánh-Phật? Bao nhiêu chúng sinh là đệ tử phàm phu? Bao nhiêu chúng sinh thành tựu Thanh văn thừa? Bao nhiêu chúng sinh thành tựu Bích-chi-Phật thừa? Bao nhiêu chúng sinh đều thành tựu Đại thừa? Bao nhiêu chúng sinh không thành tựu Thanh văn thừa? Bao nhiêu chúng sinh không thành tựu Bích-chi-Phật thừa? Bao nhiêu chúng sinh không thành tựu Đại thừa? Bao nhiêu chúng sinh là người hành diệt? Bao nhiêu chúng sinh là người không hành diệt? Bao nhiêu chúng sinh là hành bậc thượng? Bao nhiêu chúng sinh là đệ tử là của Đức Phật ấy?

Chư Phật còn biết định này cảm thọ ý vị, định này không cảm thọ ý vị, là thiện-là vô ký, trong định này đoạn trừ bao nhiêu kiết sử, định này là bậc thượng-trung-hạ? Nói tóm lại là các định Vô sắc, chỉ có Chư Phật dùng nhất thiết chủng trí đều có năng lực phân biệt rõ ràng về lớn-nhỏ, sâu-cạn, tâm tương ứng-tâm bất tương ứng, quả báo và không phải quả báo... Đó gọi là Chư Phật biết rõ tất cả và thông đạt về cõi Vô sắc định.

Diệt pháp là các Bích-chi-Phật, các A-la-hán quá khứ và hiện tại đã diệt độ, Chư Phật thông đạt như trong kinh nói: “Các Tỳ-kheo! Chín mươi một kiếp trước Hiền kiếp này, Phật Tỳ Bà Thi Xuất thế, đến kiếp ba mươi một có hai vị Phật xuất thế, một vị danh hiệu là Thi Khí, một vị danh hiệu là Tỳ Thức Bà. Trong Hiền kiếp này có Phật Câu Lưu Tôn, Câu Na Hàm Mâu Ni và Phật Ca diếp xuất thế.

Chư Phật quá khứ với tri kiến vĩ đại như vậy, thấy đều biết rõ.”

Trong kinh này cũng nói: “Và các đệ tử Thanh văn diệt độ nhập Niết bàn vô sư, cùng các Bích-chi-Phật, hiệu là Thành, hiệu là Hoa Tướng, hiệu là Kiến pháp, hiệu là Pháp khiếp, hiệu là Hỷ Kiến, hiệu là Vô cấu, hiệu là Vô Đắc. Các vị Bích-chi-Phật như vậy nhập Niết bàn Vô dư, Phật đều thông đạt tất cả.”

Lại nữa, những người chưa diệt độ đang còn Niết bàn Hữu dư, sinh duyên đã hết mà thông đạt việc này, cũng gọi là thông đạt biết rõ về diệt. Như kinh nói: “Đức Phật bảo với A-nan: Ta đối với người này biết rõ không có chút gì mờ tối, người này cuối cùng chắc chắn đều là Nội pháp, người này mạng chung sẽ nhập Niết bàn, cũng gọi là biết rõ về diệt”. Còn đối với người khác thông đạt về bốn Đế có năng lực biết rõ sự việc ấy, cũng gọi là biết về diệt. Như kinh nói: “Sao ta không phương tiện làm cho người này được lậu tận giải thoát ngay tại nơi này? “Như Đức Phật bảo với A-nan: Ông thích thiên định, thích đoạn trừ kiết sử, cũng gọi là thông đạt biết rõ về diệt. Như Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Ta biết Niết bàn, biết con đường đến Niết bàn, biết chúng sinh đến Niết bàn. Các kinh đều như vậy, trong này nên nói: Đó gọi là Chư Phật thông đạt biết rõ về diệt.

Khéo biết về tâm bất tương ứng không phải là sắc pháp, giới-thiện căn-sử-thiện luật nghi-bất thiện luật nghi đều là những tâm bất tương ứng chứ không phải là sắc pháp. Thanh văn và Bích-chi-Phật không có năng lực thông đạt, Chư Phật khéo léo có năng lực thông đạt như hiện rõ trước mắt, bởi vì đối với tâm bất tương ứng trong các pháp, thành tựu được sức mạnh trí tuệ bậc nhất.

Hỏi: Giới-thiện luật nghi và bất thiện luật nghi là sắc pháp, vì sao nói không phải là sắc pháp?

Đáp: Giới-thiện luật nghi và bất thiện luật nghi có hai loại: Có tác và có vô tác. Tác là sắc, vô tác chẳng phải là sắc. Vô tác chẳng phải là sắc, cho nên Phật dùng khả năng bất cộng mà hiện rõ trước mắt có năng lực biết được, người khác dùng trí so sánh mới biết được.

Hỏi: Chư Phật chỉ khéo biết về tâm bất tương ứng không phải là sắc pháp, chứ không khéo biết về pháp tương ứng hay sao?

Đáp: Nếu thông đạt về pháp bất tương ứng, thì pháp tương ứng không có gì bàn luận nữa. Như người có năng lực bắn trúng sợi lông nhỏ bé, thì vật to hơn không bàn đến làm gì.

Lại nữa, trong bảy trăm pháp bất tương ứng, hàng Thanh văn và Bích-chi-Phật dùng Thức thứ sáu có thể biết được bảy pháp:

1. Danh.
2. Tướng.
3. Nghĩa.
4. Vô thường.
5. Sinh.
6. Bất sinh.
7. Độ.

Chư Phật dùng Thức thứ sáu thì có năng lực biết rõ tất cả. Chư Phật biết tướng của bốn Đế và biết các pháp thế tục, vì vậy nói là Chư Phật khéo biết về tâm bất tương ưng và Vô sắc pháp. Thế lực của Ba-la-mật, là ở trong tất cả các pháp đã biết không còn sót gì, đạt được thế lực của Nhất thiết chủng trí và mười lực bốn vô sở úy-bốn xứ công đức hỗ trợ mà thành tựu, cũng khéo đạt được mười lực, cho nên Phật có năng lực thành tựu được thế lực của Ba-la-mật. Thế lực này được tăng thêm từ trong tâm thứ mười sáu, Nhất thiết trí thường ở trong thân Phật, cho đến Niết bàn Vô dư. Nhờ vào những điều này mà ở trong tất cả các pháp đạt được trí vô ngại. Trí vô ngại Ba-la-mật, là gồm pháp-nghĩa-từ và lạc thuyết vô ngại, đối với bốn pháp này có vô lượng thế lực mà thông đạt vô ngại.

Như trong kinh nói: “Đức Phật bảo với các Tỳ-kheo: Bốn đệ tử của Như Lai thành tựu Niệm lực-Trí tuệ lực-Kham thọ lực bậc nhất, như người có sở trường bắn tên mà bắn lá cây thì trúng đích không khó khác gì, các đệ tử này dùng bốn Niệm xứ để vấn nạn, Ta thường không nghỉ ngơi, trừ ra khi ăn uống-vệ sinh và ngủ nghỉ, ở trong trăm năm Như Lai thường trả lời, lạc thuyết trí tuệ không có gì cùng tận”.

Phật ở trong này dùng tướng thiếu dục tự luận bàn về trí tuệ, nếu tất cả Tứ thiên hạ trong ba ngàn Đại thiên thế giới chứa đầy bụi nhỏ trong ấy, tùy theo số bụi nhỏ như thế làm thành ba ngàn Đại thiên thế giới như số bụi nhỏ, trong đó chứa đầy chúng sinh đều như Xá-lợi-phất, như Bích-chi-Phật, thấy đều thành tựu lạc thuyết trí tuệ, có thọ mạng trải qua Đại kiếp như số bụi nhỏ nói trên, tất cả những người này dựa vào bốn Niệm xứ cho đến tận cùng thọ mạng để vấn nạn Như Lai, Như Lai vẫn dùng nghĩa của bốn Niệm xứ trả lời những câu hỏi của họ, nhưng ngôn từ và ý nghĩa không trùng lặp với năng lực lạc thuyết vô tận.

Pháp vô ngại, là có năng lực khéo léo phân biệt thông suốt vô ngại đối với tên gọi của các pháp.

Nghĩa vô ngại, là thông đạt vô ngại đối với nghĩa lý của các

pháp.

Từ vô ngại, là tùy chủng loại chúng sinh mà dùng các ngôn từ khiến cho họ hiểu được nghĩa lý thông suốt vô ngại. Lạc thuyết vô ngại, là lúc hỏi-đáp khéo léo vận dụng để thuyết pháp không có cùng tận.

Các Thánh Hiền khác không có thể suy xét tận cùng được, chỉ có Chư Phật mới có năng lực tận cùng giới hạn của các pháp. Vì vậy gọi là trí vô ngại Ba-la-mật.

Đáp đầy đủ Ba-la-mật, là trong tất cả các vấn nạn, Phật có năng lực khéo léo trả lời đầy đủ. Tại vì sao? Bởi vì ở trong bốn loại hỏi-đáp không có gì sai sót rối loạn, vốn khéo léo biết rõ nghĩa lý, nghĩa Ba-la-mật đầy đủ không hư hoại, biết rất rõ niềm vui và ham muốn mà tánh của tất cả chúng sinh thường làm và thường thích. Như Xá-lợi-phất thưa với Đức Phật rằng: “Thưa Đức Thế Tôn! Phật thuyết những thiện pháp cho mọi người, mà trong đó có nhiều chúng sinh được chứng ngộ rồi thì tâm không còn khát ái, không còn khát ái cho nên đối với thế gian không có gì thọ nhận, tâm đã không có gì thọ nhận thì nội tâm vắng lặng. Phật đối với sự việc vô thường trong các thiện pháp, biết tất cả không sót gì, lại không có ai hơn được”.

Hỏi: Ông nói bốn hỏi-đáp, thế nào là bốn loại?

Đáp: Một là đáp quyết định, hai là đáp phân biệt, ba là đáp phản vấn, bốn là đáp gác lại.

Đáp bằng cách quyết định, như một Tỳ-kheo thưa hỏi Đức Phật: “Thưa Đức Thế Tôn! Có thể có sắc nào thường còn không bị biến dị hay không? thưa Đức Thế Tôn! Thọ-tưởng-hành-thức thường còn không bị biến dị chăng? Đức Phật đáp rằng: Nay Tỳ-kheo! Không có sắc nào thường còn mà không bị biến dị, không có thọ-tưởng-hành-thức nào thường còn mà không bị biến dị”. Như vậy đều gọi là đáp quyết định. Đáp bằng cách phân biệt, như “Phạm chí Bố-đa-lê-tử hỏi Sa-ma-đề. Có người cố ý gây ra nghiệp của thân miệng ý, thì nhận chịu quả báo như thế nào? Sa-ma-đề trả lời quyết định: Có người vì cố ý gây ra nghiệp của thân miệng ý thì nhận chịu quả báo khổ não. Câu hỏi này phải trả lời bằng cách phân biệt, sau đó Phạm chí này đến thưa hỏi Đức Phật về điều này. Đức Phật đáp rằng: Nay Bố-đa-lê-tử! Nếu có người cố ý gây ra nghiệp của thân miệng ý, thì nghiệp này hoặc là nhận chịu quả báo khổ não, hoặc là cảm được quả báo vui sướng, hoặc là thọ báo không khổ không vui. Nếu gây ra nghiệp khổ thì thọ báo khổ, nghiệp vui thì thọ báo vui, nghiệp không khổ không vui thì thọ báo không khổ không

vui”. Như vậy trong các kinh đều đáp rằng cách phân biệt rõ ràng.

Đáp bằng cách hỏi ngược lại, như “Phạm chí Tiên Ni thưa hỏi Đức Phật. Đức Phật bảo: Ta hỏi lại ông, tùy ý ông trả lời. Này Tiên Ni! Ý ông nghĩ thế nào? Sắc là Như Lai chăng? Thọ-tưởng-hành-thức là Như Lai chăng? Đáp rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Không phải vậy. Là sắc, là thọ-tưởng-hành-thức là Như Lai chăng? Đáp rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Không phải vậy. “Các kinh như vậy thuận theo nói rộng ra, đó gọi là trả lời bằng cách hỏi ngược lại.

Đáp bằng cách lại không trả lời, chính là mười bốn loại tà kiến, họ cho rằng thế gian là thường, thế gian là vô thường, thế gian vừa vô thường, thế gian không phải thường-không phải vô thường, thế gian có giới hạn, thế gian không giới hạn, thế gian cũng có giới hạn-cũng không giới hạn, thế gian chẳng phải có giới hạn-chẳng phải không giới hạn, Như Lai có diệt hậu, Như Lai không có diệt hậu, Như Lai cũng có-cũng không có diệt hậu, Như Lai không phải là có-không phải không có diệt hậu, thân chính là thần (thần thức), thân khác-thần khác.

Tất cả chúng sinh như trên với trí tuệ lạc thuyết như Đại Bích-chi-Phật dùng bốn loại như vậy để hỏi Phật, Phật đều tùy thuận trả lời những câu hỏi của họ, không thừa không thiếu. Vì vậy cho nên nói Phật trả lời đầy đủ Ba-la-mật. Không có ai có năng lực làm hại, bởi vì Phật là bậc đạt được pháp không thể nào giết hại, không có năng lực nào đoạn được thân thể tay chân của Phật, mà Phật sống hay chết đều hoàn toàn tự tại. Như kinh nói: “Nếu người nào muốn tìm cách làm hại Phật, thì điều này không thể xảy ra.”

Hỏi: Thọ mạng của Phật là hạn định hay không hạn định?

Đáp: Có người nói là không hạn định. Nếu thọ mạng của Phật có hạn định, thì đối với thọ mạng hạn định của người khác có gì sai biệt đâu? Nhưng thật ra thì thọ mạng của Phật là không hạn định, không có năng lực nào làm hại được, mới là hiếm có. Có người nói: Thọ mạng của Phật có hạn định. Thọ mạng của người khác tuy có hạn định, nhưng mà tay chân tai mũi có thể cắt đứt, Phật thì không có điều này xảy ra.

Hỏi: Vì sao không thể làm hại Phật, là do pháp bất cộng chẳng?

Đáp: Chư Phật là không thể nghĩ bàn được, mượn thí dụ có thể biết. Giả sử tất cả chúng sinh trong mười phương thế giới đều có thể lực, nếu như có một loại ma có thể lực như thế, trở lại làm cho mỗi một chúng sinh khắp mười phương có sức mạnh như ác ma, muốn cùng nhau làm hại Phật, hãy còn không thể nào lay động được một sợi lông của Phật, huống là có người nào làm hại được Phật ư?

Hỏi: Nếu như vậy thì Điều-đạt vì sao có thể làm Phật bị thương?

Đáp: Điều này trước đã trả lời. Phật muốn chỉ rõ về tướng ba độc của chúng sinh, Điều-đạt tuy trì giới tu thiện nhưng tham đắm lợi dưỡng mà gây ra điều tệ hại vô cùng. Lại khiến cho biết rằng tâm Phật đối với các hàng trời người không có gì khác, còn vì lòng yêu thương xót xa nhìn Điều-đạt và La-hầu-la như mắt trái-mắt phải của mình. Phật luôn luôn nói đến tâm bình đẳng, lúc này hiện rõ ra tính bình đẳng ấy, trời-người thấy như vậy đều sinh tâm hiếm có càng thêm tin tưởng vui thích. Vả lại, trời Trường Thọ trông thấy đời trước Phật có gây ác nghiệp, nếu đời này không nhận chịu thì cho rằng làm đều ác không có báo ứng. Phật phải đoạn trừ tà kiến ấy cho nên thị hiện nhận chịu báo ứng này. Lại nữa, tâm Phật đối với khổ-vui không có gì khác, tâm không còn phân biệt mình và người, mà hoàn toàn rỗng lặng, các căn điều hòa thuận thực không thể thay đổi sai khác, không cần phải thực hành phương tiện để rời xa khổ-cảm nhận vui. Như trong Bồ tát Tạng nói: “Phật dùng phương tiện cho nên thị hiện nhận chịu điều này, cần phải biết rộng về điều này”. Đó gọi là pháp bất cộng không thể giết hại được của Phật.

Thuyết pháp không trống rỗng. Tại vì sao? Bởi vì lúc Chư Phật chưa thuyết pháp, trước tiên quán xét tâm của chúng sinh đầu đuôi ở nơi nào, kiết sử dày hay mỏng, biết đời trước đã làm công đức, thấy căn tánh của họ có thể lực nhiều hay ít; biết nơi chốn-thời gian làm chướng ngại cho họ, nên dùng pháp mềm mỏng có thể hóa độ hay sự việc khổ đau để có thể hóa độ? Hoặc là nên dùng sự việc khổ đau mềm mỏng mà hóa độ, hoặc cần phải gợi mở đôi chút mà hóa độ hoặc phân biệt rộng ra để hóa độ. Có người dùng Ấm-Nhập-Giới và mười hai nhân duyên mà được độ. Có người dùng phần Tín, hoặc dùng phần Tuệ mà được tiến vào đạo. Người này là thuận theo Phật mà độ. Người này thuận theo Thanh văn mà độ. Người này nên dùng những duyên khác mà được độ. Người này nên thành tựu Thanh văn thừa. Người này thích hợp thành tựu Bích-chi-Phật thừa. Người này thích hợp thành tựu Đại thừa. Người này quen thói tham dục, quen thói sân giận, quen thói ngu si đã lâu. Người này quen thói tham dục-sân giận. Người này quen thói tham dục-ngu si. Tất cả các loại như vậy đều phân biệt rõ ràng.

Người này rơi vào Đoạn kiến. Người này rơi vào Thường kiến. Người này huân tập nhiều thân kiến.

Người này huân tập nhiều biên kiến. Người này huân tập nhiều giới thủ kiến. Người này huân tập nhiều kiêu mạn. Người này huân

tập nhiều tự ti mặc cảm-nịnh hót quanh co. người này tâm nhiều nghi ngờ hối tiếc. Người này ưa thích ngôn ngữ văn từ. Có người coi trọng nghĩa lý, có người thích nghĩa lý sâu xa, có người thích sự việc đơn giản. Người này đời trước tích tập các pháp trợ đạo. Người này đời này tích tập các pháp trợ đạo. Người này chỉ tích tập thiện căn phước báo. Người này chỉ tích tập thiện căn xuyên suốt. Người này sẽ nhanh chóng đắc đạo. Người này qua thời gian lâu dài mới đắc đạo.

Phật quán sát suy nghĩ trước mà thuận theo căn cơ để họ được độ, vì họ thuyết pháp để độ thoát cho họ. Vì vậy tất cả các pháp thuyết ra thấy đều lợi ích chứ không phải là trống rỗng. Như kinh nói: “Thế Tôn thấy biết trước mọi căn cơ thuyết pháp, chứ không phải là thuyết pháp mà không thấy biết rõ ràng.”

Không sai lầm không thiếu sót, là Chư Phật thuyết pháp không có điều gì sai lầm thiếu sót. Không sai lầm là lời nói và nghĩa lý không trái ngược nhau, không thiếu sót là nghĩa lý không thiếu sót. Không mất đi nhân duyên của đạo, cho nên gọi là không thiếu sót, không sai lầm với nhân duyên của đạo quả, cho nên gọi là không sai lầm. Không thiếu cho nên gọi là không mất. Không thừa cho nên gọi là không sai lầm. Nhờ thông suốt bốn trí vô ngại, ý niệm thường điều hòa trong tuệ an ổn, cho nên lìa xa những kiến chấp về đoạn-thường-không có nhân-nhân tà vạy..., trong pháp đã thuyết ra không làm cho người ta có sự mê hoặc phiền muộn, lời đã nói thì trước sau không có gì trái ngược lẫn lộn, tùy theo nghĩa của kinh này mà giải thích rộng ý nghĩa trong kinh. Như kinh nói: “Này các Tỳ-kheo! Ta thuyết pháp cho các ông, đầu là thiện-giữa là thiện và sau cũng là thiện, lời nói thiện-nghĩa lý thiện, thuần nhất không có gì lẫn tạp, mà nói đầy đủ về phạm hạnh.”

Dùng sự việc hy hữu mà thuyết pháp, là tùy theo sự giáo hóa liền đạt được đạo quả, đó gọi là hy hữu. Nếu có sự đối đáp, hoặc có sự thọ ký đều thật sự không khác, thì cũng là hy hữu. Phật có đã lý đã thuyết ra, đạo lý này không xen tạp phiền não mà có năng đoạn trừ phiền não, đó cũng là hy hữu. Phật có những giáo thuyết đều có lợi ích chứ hoàn toàn không phải là lời nói vô ích, đó cũng là hy hữu. Nếu như người ở trong Phật pháp dụng tâm chịu khó tinh tiến, có thể đoạn trừ pháp bất thiện, tăng thêm pháp thiện, đó cũng là hy hữu. Lại nữa, có ba loại hy hữu, là hiện bày thân thông hy hữu, nói trước tâm người khác hy hữu, giáo hóa hy hữu. Thuyết pháp bằng ba loại hy hữu này, gọi là dùng sự việc hy hữu mà thuyết pháp.

Bậc Đạo sư cao nhất trong các bậc Thánh, là Chư Phật biết rõ

những việc làm-những ưa thích trong tâm của tất cả chúng sinh, kiết sử nông sâu-dày mỏng, các căn sắc bén-chậm chạp, trí tuệ bậc thượng-trung-hạ, bởi vì khéo léo biết rõ và thông suốt tất cả, cho nên Phật là bậc Đạo Sư cao nhất trong các bậc Thánh. Lại có năng lực khéo léo biết rõ tướng của bốn Đế khéo léo biết rõ tướng chung và tướng riêng của các pháp. Lại dùng nhân duyên thuyết pháp không trống rỗng, không sai lầm và không thiếu sót, cho nên Phật là bậc Đạo sư cao nhất trong các bậc Thánh.

Hỏi: Bốn chúng cũng có người có năng lực thuyết pháp phá tan ngoại đạo khiến cho tiếp và Phật pháp, vì sao chỉ tôn xưng Phật là bậc Đạo sư cao nhất?

Đáp: Nên dùng thí dụ để nói. Nếu thế lực trí tuệ của tất cả chúng sinh đều giống như Bích-chi-Phật, những chúng sinh này nếu không thuận theo ý Phật, mà muốn hóa độ một người, thì điều này không hề xảy ra, nếu lúc những người thuyết pháp, thậm chí không có năng lực đoạn trừ phần nhỏ kiết sử của cõi vô sắc. Nếu Phật muốn độ chúng sinh mà có những lời nói ra, cho đến ngoại đạo tà kiến và các loài rồng-Dạ xoa..., cùng những loài khác không hiểu lời Phật nói, thì đều làm cho hiểu được. Những loài này cũng có thể chuyển hóa được vô lượng chúng sinh, thậm chí hôm nay chúng Thanh văn khiến cho chúng sinh an trú trong bốn quả Sa môn, đều là tướng Đạo Sư cao nhất của Như Lai. Vì vậy cho nên Phật được tôn xưng là bậc Đạo Sư cao nhất, là pháp bất cộng ở trong các bậc Thánh. Bốn pháp không cần phải giữ gìn, là Chư Phật không cần giữ gìn nghiệp của thân, không cần giữ gìn nghiệp của miệng, không cần giữ gìn nghiệp của ý, không cần giữ gìn mọi thứ cung cấp cho đời sống. Tại vì sao? Bởi vì bốn điều này không cần giữ gìn đối với người khác, không dấy khởi ý niệm như vậy: Thân miệng ý và mạng sống của mình sợ rằng người khác biết rõ. Tại vì sao? Bởi vì trải qua thời gian lâu dài tu tập các loại nghiệp thanh tịnh, đều khéo léo thấy biết các pháp đoạn trừ tất cả mọi phiền não, thành tựu tất cả các thiện căn không gì sánh được, khéo léo thực hành những pháp đáng thực hành không có gì đáng chê trách, đầy đủ hạnh xả Ba-la-mật. Xả là mắt thấy sắc mà xả bỏ tâm lý buồn vui, cho đến ý-pháp cũng như vậy. Các kinh như Bà Ha Đề Tước Đa La..., trong ấy đã nói rõ về bốn pháp vô sở úy.

Hỏi: Một pháp gọi là Vô sở úy, tại vì sao lại có bốn pháp?

Đáp: Ở trong bốn sự việc không có gì nghi ngờ sợ hãi, cho nên có bốn pháp.

1. Như Phật bảo với các Tỳ-kheo: Ta tự mình nói lời chân thành, là người Nhất thiết trí, trong này nếu có sa môn, Bà-la-môn, chư Thiên-ma-Phạm và người trí thế gian, như pháp chất vấn nói rằng Như Lai không biết pháp này. Ta ở trong này thậm chí không thấy có tướng nghi ngờ sợ hãi gì. Bởi vì không thấy tướng này, cho nên được an ổn không sợ hãi gì. Đây là pháp Vô úy thứ nhất, vốn đúng như thật biết hết tất cả các pháp.

2. Tự nói lời chân thành rằng: Ta không còn tất cả các lậu hoặc phiền não. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên-Ma-Phạm, nói lậu hoặc phiền não của Như Lai không hết. Ta ở trong này thậm chí không thấy có tướng nghi ngờ sợ hãi gì. Bởi vì không thấy tướng này cho nên được an ổn không sợ hãi gì. Đây là pháp Vô úy thứ hai, vốn khéo léo đoạn trừ các phiền não và đoạn trừ tập khí của phiền não.

3. Ta nói về pháp chương đạo, trong này nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên-Ma-Phạm cùng với người trí thế gian, như pháp chất vấn rằng: Pháp này tuy sử dụng nhưng không có thể chương ngại cho đạo. Ta ở trong này không thấy có tướng nghi ngờ sợ hãi gì. Bởi vì không thấy tướng này, cho nên được an ổn không có nghi ngờ sợ hãi gì. Đây là pháp vô úy thứ ba, vốn khéo léo biết rõ pháp chương ngại cho đạo giải thoát.

4. Đạo lý Ta đã nói, thực hành đúng như pháp đã nói, thì đến được nơi không còn đau khổ. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên-Ma-Phạm cùng với người trí thế gian, như pháp chất vấn rằng: Như pháp này tuy thực hành đúng như thuyết nhưng không có thể đến được nơi không còn đau khổ. Ta ở trong này không có tướng nghi ngờ sợ hãi gì. Bởi vì không thấy tướng này, cho nên được an ổn không có gì nghi ngờ sợ hãi. Đây là pháp Vô úy thứ tư, vốn khéo léo biết rõ đạo lý đến nơi không còn đau khổ.

Bốn pháp Vô úy này đều vượt qua các tướng của tâm sợ hãi, kinh hoàng sồn gai ốc..., cho nên gọi là Vô úy. Lại bởi vì uy đức thù thắng so với Đại chúng, cho nên gọi là Vô úy. Lại bởi vì khéo léo biết rõ tất cả các điều hỏi-đáp, cho nên gọi là Vô úy. Chư Thiên tụ hội, trong kinh này cũng giải thích rộng ra.

Hỏi: Nếu Phật là người Nhất thiết trí, thì phải đối với tất cả các pháp đều là Vô úy, tại sao chỉ nói bốn pháp Vô úy?

Đáp: Sơ lược nêu ra những điều quan trọng nhất để khai thông đầu mối của sự việc, còn lại mọi pháp khác cũng như vậy.

Mười lực của Phật, lực có nghĩa là giúp đỡ, có khí thế không thể

cùng tận được, không có gì có năng lực ngăn trở phá hoại được. Tuy rằng có người tên gọi nhưng thật thì cùng chung một trí, duyên theo mười sự việc cho nên gọi là mười lực. Phật trí duyên vào tất cả mọi sự việc, thuận theo có vô lượng lực, bởi vì mười lực này đủ để hóa độ chúng sinh, cho nên nói chung về mười lực, chỉ khai mở về mười lực này, còn lại đều có thể biết.

Lực thứ nhất: Nhân và chẳng phải nhân của tất cả các pháp, trí không thông suốt một cách quyết định gọi là lực thứ nhất. Như Phật nói: “Nếu người điên này không bỏ lời nói này, không bỏ tà kiến, không bỏ tâm này mà đến ở trước mặt Phật, thì điều này không có”. Như Phật bảo với A-nan: “Thế gian có hai vị Phật cùng lúc xuất thế, điều này không hề xảy ra. Một vị Phật xuất thế, thì điều này là có. Điều này là nói đến thế giới của một vị Phật, nhưng thật thì trong các thế giới vô lượng vô biên khắp mười phương, có trăm ngàn vạn ức vô số Chư Phật cùng lúc xuất thế”. Lại trong kinh nói: “Ác nghiệp của thân miệng ý mà có quả báo vi diệu tốt đẹp, thì điều này là vô lý. Nếu thiện nghiệp của thân miệng ý mà cảm được quả báo vi diệu tốt lành, thì điều này là có”. Những điều như vậy thì các kinh trong năm Tạng cũng đã nói nhiều.

Lực thứ hai: Đối với các nghiệp và các pháp thọ nhận trong Quá khứ-vị lai-hiện tại, Phật phân biệt đúng như thật mà biết rõ nơi chốn, biết rõ sự việc, biết rõ quả báo. Nếu Phật muốn biết những nghiệp quá khứ-nghiệp báo quá khứ của tất cả chúng sinh, thì có thể biết rõ trong khoảnh khắc. Hoặc là nghiệp quá khứ mà báo ở hiện tại. Hoặc là nghiệp quá khứ mà báo ở vị lai. Hoặc là nghiệp quá khứ mà báo ở quá khứ. Hoặc là nghiệp quá khứ mà báo ở quá khứ và vị lai. Hoặc là nghiệp quá khứ mà báo ở quá khứ và hiện tại. Hoặc là nghiệp quá khứ mà báo ở vị lai-hiện tại. Hoặc là quá khứ mà báo ở quá khứ-vị lai và hiện tại. Hoặc là nghiệp hiện tại có báo ở hiện tại. Hoặc là nghiệp hiện tại có báo ở vị lai. Hoặc là nghiệp hiện tại có báo ở hiện tại và vị lai. Hoặc là nghiệp vị lai có báo ở vị lai. Có những sự phân biệt về pháp thọ nhận như vậy, gồm bốn pháp thọ nhận: Hiện tại thọ nhận vui sướng, đời sau nhận chịu đau khổ, hiện tại nhận chịu đau khổ, đời sau thọ nhận vui sướng; hiện tại thọ nhận vui sướng, đời sau cũng thọ nhận vui sướng; hiện tại nhận chịu đau khổ, đời sau cũng nhận chịu đau khổ.

Xứ là tùy theo nơi chốn-phương hướng-thời gian của nghiệp, cũng biết nơi nhận chịu báo ứng của nghiệp này. Sự là có lúc thuận theo nhân duyên, có lúc thuận theo ba căn bất thiện, hoặc phần nhiều tự mình gây ra, hoặc phần nhiều do người khác gây ra. Nhân duyên các nghiệp thiện

ác như vậy Phật đều biết rõ. Báo là biết tất cả các nghiệp đều có báo ứng của mỗi loại, nghiệp thiện hoặc là sanh vào xứ thiện hoặc đạt được Niết bàn, nghiệp ác thì sinh vào những xứ ác. Phật biết rõ nhân duyên gốc ngọn của các nghiệp này, biết rõ về bản thân mình và người khác, trong trí lực này không lui sụt cho nên gọi là lực.

Lực thứ ba: Phật biết đúng như thật về thiền định, giải thoát, Tam muội, tướng cấu nhiễm-thanh tịnh. Thiền là bốn thiền. Định là bốn định Vô sắc, bốn tâm Vô lượng... đều gọi là định. Giải thoát là tám giải thoát. Tam muội là ngoại trừ các thiền giải thoát, còn lại các định đều gọi là Tam muội. Có người nói: Ba giải thoát môn và định có giác có quán, định không có giác-chỉ có quán, định không có giác-không có quán, gọi là Tam muội. Có người nói: Định là nhỏ, Tam muội là lớn. Vì vậy hết thấy Chư Phật và Bồ tát đã đạt được định, đều gọi là Tam muội. Bốn phạm vi này đều thâm nhiếp trong tất cả các thiền Ba-la-mật. Cấu nhiễm có nghĩa là cảm thọ ý vị, thanh tịnh có nghĩa là không cảm thọ ý vị. Lại nữa, cấu nhiễm gọi là định hữu lậu, thanh tịnh gọi là định vô lậu.

Tam muội và giải thoát đều phân biệt rõ ràng, thiền phân biệt như vậy biết rõ các căn thượng-hạ của người khác-chúng sinh khác, biết đúng như thật gọi là lực thứ tư.

Chúng sinh khác tức là phàm phu, người khác tức là các bậc Hiền Thánh như quả Tu-đà-hoàn... Hoặc có người nói: Chúng sinh có nghĩa là phàm phu, và những người học nhưng chưa hết phiền não; người khác là bậc không còn phiền não như quả A-la-hán... Hoặc có người nói: Chúng sinh và người cùng một tên gọi là nhưng có sai biệt về đẳng cấp.

Các căn là Tín-Tinh tiến-Niệm-Định-Tuệ chứ không phải là các căn như nhãn-nhĩ... Thượng có nghĩa là mạnh mẽ sắc bén có năng lực đặc đạo, hạ có nghĩa là tối tăm vụng về không có năng lực tiếp nhận đạo pháp. Phật đối với hai căn thượng-hạ này biết đúng như thật không sai lầm. Tâm của chúng sinh khác-người khác đều có những vui thích, Phật đều biết đúng như thật, đó là lực thứ năm.

Những vui thích có nghĩa là coi trọng sự việc đã hưởng đến, như có người coi trọng tài sản tiền bạc và niềm vui thế gian, hoặc có người quý trọng phước đức-thiện pháp, những điều này Phật biết đúng như thật. Các loại tánh-vô lượng tánh của thế gian, Phật đều biết đúng như thật, đó là lực thứ sáu.

Các loại tánh là rất nhiều tánh xen lẫn với nhau. Vô lượng tánh là đối với mỗi một tánh phát sinh vô lượng loại phân biệt sai khác. Tánh

ấy từ đời trước đến nay có tâm thường quen sử dụng, thường có niềm vui thực hành tu tập cho nên trở thành tánh. Hai tánh thiện - ác này, Phật biết đúng như thật, cho đến tất cả xứ sở của đạo thì Phật đều biết đúng như thật, đó là lực thứ bảy.

Đến tất cả xứ sở của đạo, là có năng lực đạt được tất cả các công đức, đạo này gọi là đến tất cả xứ sở của đạo, nghĩa là năm phần Tam muội, hoặc là năm trí Tam muội, hoặc chính là tám phần Thánh đạo, hoặc là Thánh đạo thâm nhiếp các pháp, hoặc là bốn như ý túc. Như kinh nói: “Tỳ-kheo có năng lực tu tập bốn Như ý túc thì không có lợi ích nào mà không đạt được”.

Có người nói chính là bốn thiền. Như kinh nói: “Tỳ-kheo đạt được bốn thiền, tâm an trú một nơi thanh tịnh, trừ bỏ những phiền não, diệt hết mọi chướng ngại, điều hòa có thể sử dụng không còn động chuyển nữa, nếu quay lại hưởng đến biết sự việc trong đời kiếp trước thì có năng lực biết được sự việc trong đời kiếp trước”. Đó là lực thứ tám.

Nếu Phật muốn nhớ đến vô lượng vô biên đời kiếp trước của mình và tất cả chúng sinh, thì tất cả mọi việc đều biết rõ ràng, không có việc gì không biết dù trải qua hằng hà sa đời kiếp. Người này sinh nơi nào, họ tên-sang hèn, ăn uống-sinh hoạt, khổ sở-vui sướng, sự nghiệp đã làm, quả báo thọ, tâm hành như thế nào, vốn từ đâu đến đây...? Những sự việc như vậy, dùng Thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn mắt người thế gian, thấy chúng sinh trong sáu đường tùy theo nghiệp mà thọ thân, đó là lực thứ chín.

Đại lực Thanh văn dùng Thiên nhãn thấy được Tiểu thiên quốc độ, cũng thấy được chúng sinh trong đó qua những lúc sinh-lúc tử. Bích-chi-Phật ít năng lực thấy được một ngàn Tiểu thiên quốc độ, thấy được chúng sinh trong đó qua những lúc sinh-lúc tử. Bích-chi-Phật có năng lực trung bình thấy được trăm vạn Tiểu thiên quốc độ, thấy được chúng sinh trong đó qua những lúc sinh-lúc tử. Bích-chi-Phật có năng lực to lớn thấy được ba ngàn Đại thiên quốc độ, thấy được những nơi chốn sinh tử của chúng sinh trong đó hưởng đến. Chư Phật Thế tôn trông thấy vô lượng vô biên thế gian không thể nghĩ bàn được, cũng thấy rõ lúc sinh-lúc tử của nhân duyên trong những thế gian này, đó là lực thứ mười.

Dục lậu-hữu lậu-vô minh lậu, tất cả các lậu không còn, các phiền não và tập khí cũng hết sạch, đó gọi là lực thứ mười.

Vô ngại giải thoát, giải thoát có ba loại:

1. Giải thoát đối với chướng ngại do phiền não.
2. Giải thoát đối với chướng ngại do Định.

3. Giải thoát đối với chướng ngại do tất cả các pháp.

Từ trong này đạt được Tuệ giải thoát của A-la-hán, đạt được giải thoát lìa xa chướng ngại của phiền não; cùng với giải thoát của A-la-hán và Bích-chi-Phật, đạt được giải thoát lìa xa chướng ngại của phiền não, đạt được giải thoát lìa xa chướng ngại của các thiền định. Chỉ có Chư Phật đầy đủ ba loại giải thoát, đó gọi là giải thoát chướng ngại của phiền não, giải thoát chướng ngại của các thiền định, giải thoát chướng ngại của tất cả các pháp. Nói tổng quát là ba loại giải thoát này, Phật gọi là vô ngại giải thoát, thường thuận theo tâm cùng sinh ra, cho đến Niết bàn vô dư thì dừng lại. Bốn mươi pháp Bất cộng này, sơ lược khai mở pháp môn của Phật khiến cho chúng sinh được giải thoát, vì vậy mà nói ra. Những pháp không nói thì vô lượng vô biên. Đó là:

1. Thường không rời xa tuệ.
2. Biết thời cơ không sai.
3. Diệt trừ tất cả tập khí.
4. Đạt được Định Ba-la-mật.
5. Tất cả công đức đều thù thắng.
6. Thuận theo thích hợp mà thực hành Ba-la-mật.
7. Không ai có thể thấy đỉnh đầu.
8. Không có ai sánh bằng.
9. Không có ai có năng lực hơn được.
10. Cao nhất giữa thế gian.
11. Không từ người khác nghe mà đắc đạo.
12. Không ai chuyển được pháp.
13. Tự nói là Phật thì rốt cuộc không thể nào đến được trước

Phật.

14. Người không lui sụt đối với pháp.
15. Người đạt được Đại Bi.
16. Người đạt được Đại Từ.
17. Người đáng tin nhận bậc nhất.
18. Người có danh tiếng và lợi dưỡng bậc nhất.
19. Cùng y chỉ với Phật nhưng các Sư không có ai sánh bằng

Phật.

20. Các sư không có ai có được chúng đệ tử như Phật.
21. Đoan chánh bậc nhất, người thấy đều hoan hỷ.
22. Phật là người mà không ai có thể làm hại.
23. Phật muốn độ người nào thì không có ai làm tổn thương họ

được.

24. Lúc mới sinh ra, tâm có năng lực đoạn trừ kiết sử do tư duy.
 25. Chúng sinh đáng độ thì cuối cùng không bỏ lỡ thời cơ.
 26. Trí thứ mười sáu chứng được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.
 27. Ruộng phước bậc nhất của thế gian.
 28. Phát ra vô lượng ánh sáng.
 29. Việc làm không giống như người khác.
 30. Có nhiều tướng phước đức.
 31. Vô lượng vô biên thiện căn.
 32. Lúc nhập thai.
 33. Lúc đản sinh.
 34. Lúc chứng được quả vị Phật.
 35. Lúc chuyển pháp luân.
 36. Lúc xả mạng căn trường thọ.
 37. Lúc nhập Niết bàn, luôn luôn làm chấn động ba ngàn Đại thiên thế giới.
 38. Làm lay chuyển vô lượng vô biên cung điện của các ma khiến chúng không còn uy đức mà làm cho đều kinh sợ.
 39. Các Thiên vương bảo vệ thế gian, Thích-đề-hoàn-nhân, Thiên vương Dạ-ma, Thiên vương Đâu-suất-đà, Thiên vương Hóa-lạc, Thiên vương Tự tại, Thiên vương cõi Phạm, chư Thiên cõi Tịnh cư... cùng lúc đến tập trung thỉnh Phật chuyển pháp luân.
 40. Thân Phật kiên cố như thân Na-la-diên.
 41. Chưa có kiết giới mà bắt đầu kiết giới.
 42. Những việc làm có thể lực hơn người.
 43. Bồ tát nhập thai thì mẹ không có tâm nhiễm trước đối với tất cả những người nam.
 44. Có năng lực cứu độ tất cả chúng sinh.
- Pháp bất cộng của Phật có vô lượng vô biên vô số những sự việc như vậy, bởi vì rất nhiều sự việc cho nên không thể nào nói rộng ra hết được. Pháp của Thanh văn tuy tựa như pháp của Phật, nhưng hơn-kém không giống nhau cho nên có sai biệt.
- Vả lại, nói tổng quát tất cả các pháp của Chư Phật là vô lượng vô biên, hy hữu bậc nhất không thể nghĩ bàn được, tất cả chúng sinh vốn không thể nào có được. Giả sử ba ngàn Đại thiên thế giới khắp mười phương vượt quá số lượng tính đếm, tất cả chúng sinh trong đó đều có trí tuệ như Đại Phạm Thiên Vương, đều giống như Đại Bích-chi-Phật, đều giống như Xá-lợi-phất, tập hợp những trí tuệ này vào cho một người,

mong muốn đạt được một phần nhỏ trong bốn mươi pháp bất cộng của Phật, thì điều này không thể có được. Hoặc không bằng một phần ở trong trăm ngàn vạn ức phần của một pháp. Chư Phật có sức mạnh công đức vô lượng vô biên như vậy, tại vì sao? Bởi vì từ vô số Đại kiếp an trú trong xứ sở của bốn công đức, thực hành sâu vào sáu pháp Ba-la-mật, có năng lực thuần thực đầy đủ tất cả các pháp của Bồ tát thực hành, không chung với tất cả chúng sinh, cho nên quả báo cũng không chung.

* * * * *